

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN
TỈNH THÁI NGUYÊN

Bản án số: 123/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 30-12-2021

V/v: “Ly hôn”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN - THÁI NGUYÊN

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Chu Thị Bích Hiền

Các hội thẩm nhân dân: Ông Trần Xuân Viện

Bà Trần Thanh Vân

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Huyền, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên.

Đại diện VKSND thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa: Ông Vũ Xuân Đại, chức vụ Kiểm sát viên

Ngày 30 tháng 12 năm 2021 tại Hội trường Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 622/2021/TLST- HNGĐ ngày 11 tháng 10 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 120/2021/QĐXX-HNGĐ ngày 15/12/2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị B (tức Ng), sinh năm 1974

Nơi thường trú: Tổ X, phường Q, TPTN, tỉnh Thái Nguyên

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn Hg, sinh năm 1976

Nơi thường trú: xóm G, xã CN, TPTN, tỉnh Thái Nguyên

(các đương sự có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện ngày 10/8/2021 và đơn khởi kiện bổ sung, bản tự khai, biên bản hoà giải, nguyên đơn chị Nguyễn Thị B (tức Ng) trình bày:

Chị và anh Nguyễn Văn Hg được tìm hiểu yêu thương nhau tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND phường Q, TPTN, tỉnh Thái Nguyên vào năm 2005, sau khi kết hôn vợ chồng hạnh phúc, hòa thuận được một thời gian thì vợ chồng có những mâu thuẫn nhỏ phát sinh trong đời sống gia đình. Năm 2012 anh Hg bị tai nạn giao thông, chân tay yếu đi, chị và gia đình phải đi tìm thuốc chạy chữa rất nhiều nơi anh Hg mới đi lại được, trong gia đình anh Hg là trụ cột nhưng không lao động, chăm lo được cho gia đình vợ con, chị là phụ nữ nhưng phải lo toan tất cả mọi việc trong gia đình dẫn đến hoàn cảnh gia đình ngày càng khó khăn. Đến đầu năm 2021 hai vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, cãi nhau sau đó anh

Hg đã bỏ về nhà mẹ đẻ ở xã CN sinh sống cho đến nay. Trong quá trình chung sống giữa chị và anh Hg có quá nhiều mâu thuẫn, hai bên không thể tìm thấy tiếng nói chung và không hạnh phúc, đến nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, việc sống chung không hòa hợp, không hạnh phúc nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Hg.

Về con chung: Chị B xác định trong quá trình chung sống giữa chị và anh Hg có 02 con chung là cháu Nguyễn Bích Ng, sinh ngày 06/5/2007 và cháu Nguyễn Ngọc Bảo L, sinh ngày 08/8/2011, khi ly hôn chị đề nghị được nuôi cả 02 con, không yêu cầu anh Hg cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị B xác định vợ chồng không có tài sản chung

Về công nợ chung: Chị B xác định vợ chồng không nợ ai và cũng không cho ai vay nợ nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, biên bản hòa giải bị đơn anh Nguyễn Văn Hg trình bày:

Anh xác định quá trình kết hôn, đăng ký kết hôn như chị B trình bày là đúng. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc, không có mâu thuẫn gì trầm trọng xảy ra. Đầu tháng 6 năm 2021 do vợ chồng có sự hiểu nhầm dẫn đến vợ chồng xích mích, cãi vã nhau nên anh chuyển về nhà mẹ đẻ tại xã CN, TPTN sinh sống, sau khi bị tai nạn thì chân tay yếu nên chỉ làm việc nhẹ không lao động nặng được, đi lại khó khăn, tuy nhiên chị B đề nghị ly hôn anh không nhất trí, đề nghị Tòa án hòa giải cho vợ chồng anh được đoàn tụ để cùng nuôi dạy các con.

Về con chung: Anh nhất trí như chị B trình bày vợ chồng có 02 con chung hiện nay đều do chị B lao động lo kinh tế, trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc từ trước đến nay.

Về tài sản chung công nợ chung anh cũng nhất trí trình bày của chị B, vợ chồng không có tài sản chung, công nợ chung.

Tại phiên tòa chị B giữ nguyên quan điểm đề nghị tòa án giải quyết ly hôn như đơn khởi kiện và các nội dung đã trình bày tại bản tự khai và hòa giải. Anh Hg giữ nguyên quan điểm không nhất trí ly hôn, đề nghị Tòa án hòa giải cho vợ chồng đoàn tụ.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát thành phố Thái Nguyên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật từ khi thụ lý đến trước khi nghị án Thẩm phán đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, chấp hành đúng thời hạn chuẩn bị xét xử. Hội đồng xét xử, thư ký và nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng quy định pháp luật. Về nội dung: Áp dụng Điều 28, Điều 143 Điều 147, Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQQH ngày 30/12/2016. Đề nghị hội đồng xét xử xem xét theo giải quyết theo hướng: về quan hệ hôn nhân chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị B; Về con chung: Giao 02 con chung là cháu Nguyễn Bích Ng, Nguyễn Ngọc Bảo L cho chị Nguyễn Thị B trực tiếp nuôi dưỡng, Chị B không yêu cầu anh Hg cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét việc cấp dưỡng nuôi con; Về

tài sản chung, nợ chung không có, không yêu cầu xem xét giải quyết. Về án phí chi B phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị B có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với bị đơn là anh Nguyễn Văn Hg, có nơi thường trú: xóm G, xã CN, TPTN, tỉnh Thái Nguyên, căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên. Sau khi thụ lý vụ án do các đương sự không thỏa thuận được giải quyết vụ án, căn cứ vào khoản 3 Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên quyết định đưa vụ án ra xét xử.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Xét chị Nguyễn Thị B và anh Nguyễn Văn Hg được tìm hiểu yêu thương nhau tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Q, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật thừa nhận. Qua lời khai của các đương sự có trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa thấy giữa chị B và anh Hg đã có mâu thuẫn trong quá trình chung sống, dẫn đến xích mích, cãi vã đến tháng 6 năm 2021 anh Hg chuyển về nhà mẹ đẻ tại xóm G, xã CN sinh sống cho đến nay. Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết anh Hg đề nghị Tòa án hòa giải để vợ chồng về đoàn tụ, lý do còn tình cảm vợ chồng, hiện nay sức khỏe yếu không lao động được, vợ chồng cùng chung sống để con cái vui vẻ, tuy nhiên trong suốt quá trình vợ chồng mâu thuẫn cũng như Tòa án thụ lý giải quyết anh Hg không đưa ra được bất cứ phương án nào để hòa giải mâu thuẫn của hai vợ chồng. Do đó Hội đồng xét xử xác định tình trạng hôn nhân của chị B và anh Hg trong tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, giữa anh Hg và chị B không có sự quan tâm chia sẻ lẫn nhau trong cuộc sống vợ chồng, trong việc nuôi dạy con cái, việc duy trì quan hệ hôn nhân cũng không mang lại hạnh phúc, do vậy cần chấp yêu cầu khởi kiện của chị B, cho chị B được ly hôn với anh Hg là phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Chị B, anh Hg có 02 con chung là cháu Nguyễn Bích Ng, sinh ngày 06/5/2007 và cháu Nguyễn Ngọc Bảo L, sinh ngày 08/8/2011, chị B đề nghị được nuôi con, tại phiên tòa anh Hg xác định

Xét yêu cầu được nuôi con của chị B thấy: từ nhỏ đến hiện tại các cháu đều do chị B trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, chị B hàng ngày đi chợ, bán hàng, có thu nhập ổn định, hiện nay các cháu còn nhỏ, việc ăn ở, học tập và sinh hoạt cùng mẹ là chị Nguyễn Thị B hơn nữa anh Hg nhất trí trong trường hợp ly hôn anh nhất trí để chị B nuôi con do đó Hội đồng xét xử giao hai con chị B tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng là đảm bảo được quyền lợi mọi mặt cho con đồng thời phù hợp với thực tế và quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Anh Nguyễn Văn Hg được quyền và nghĩa vụ nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Chị Nguyễn Thị B và thành viên trong gia đình không được cản trở anh Nguyễn Văn Hg trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con theo quy định tại Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị B xác định về điều kiện kinh tế chị đủ đảm bảo để nuôi dạy con, không yêu cầu anh Hg cấp dưỡng nuôi con, do đó Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với anh Hg cho đến khi chị B có yêu cầu.

[6] Về tài sản chung, công nợ chung: Các đương sự cùng xác định vợ chồng không có tài sản chung, không nợ ai, không cho ai vay nợ nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7] Về án phí: Chị B phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 116 và Điều 117 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị B (tức Ng).

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị B (tức Ng) được ly hôn anh Nguyễn Văn Hg.

2. Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị B trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là cháu Nguyễn Bích Ng, sinh ngày 06/5/2007 và cháu Nguyễn Ngọc Bảo L, sinh ngày 08/8/2011 cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi) hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định pháp luật.

Anh Nguyễn Văn Hg được quyền và nghĩa vụ nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Chị Nguyễn Thị B và thành viên trong gia đình không được cản trở anh Nguyễn Văn Hg trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Về cấp dưỡng nuôi con: Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với anh Hg cho đến khi chị B có yêu cầu.

3. Về tài sản chung và công nợ chung: Chị B, anh Hg xác định không có tài sản chung và không nợ ai nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị B chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nộp ngân sách nhà nước, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án

phí đã nộp theo biên lai thu số 0000526 ngày 11/10/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thái Nguyên.

5.Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

6.Quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị B và anh Nguyễn Văn Hg được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận

- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND TP. Thái Nguyên
- Chi cục THADS thành phố Thái Nguyên;
- UBND P. Q, TP Thái Nguyên;
- Dương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Chu Thị Bích Hiền